TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-PT

Ngày 25 - 01 - 2024

V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Văn Đài

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Phi Long

2. Ông Phùng Lâm Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:*** Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLPT-DS ngày 15/10/2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai do bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐ-PT ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐPT-DS ngày 04/01/2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Phùng Trần N, sinh năm 1965.

Đã chết ngày 05/01/2024 tại Thôn B, xã T, thị xã S (Theo trích lục khai tử số 01/TLKT ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã S)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và là người được ủy quyền quản lý di sản thừa kế đối với diện tích đất tranh chấp: Anh Phùng Ông C - Sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (Theo văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế ngày 16/01/2024). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Phùng Xuân P, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

- Bà Phùng Mùi P - Sinh năm 1973. Vắng mặt

- Anh Phùng Ông C - Sinh năm 1994. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Mùi P: Anh Phùng Ông C - Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:

- Anh Phùng Trần S, sinh năm 1981. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Lý Mùi T, sinh năm 1983. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Phùng Trần S, sinh năm 1980. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Phùng Mùi P, sinh năm 1976. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

4. Người phiên dịch: Bà Đặng Thị N

Địa chỉ: Tổ 19, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phùng Xuân P

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phùng Trần N, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phùng Ông C trình bày:

Gia đình ông N sử dụng liên tục từ năm 2004 diện tích thửa đất khoảng 01ha tại; Thôn B, xã T, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Thửa đất trên có nguồn gốc do ông nội của ông N là ông Phùng Trằng K khai phá và sử dụng, sau đó ông K để lại cho bố ông N là ông Phùng Xuân C sử dụng trồng ngô, lạc. Do đất bạc màu nên ông C để đất nghỉ được khoảng 03 - 04 năm, thì ông Phùng Chằng C (bố đẻ ông P) đến sử dụng được khoảng 03 năm. Khi biết ông C tự ý sử dụng đất, ông C đã đòi lại để con trai là Phùng Trần K (là em ruột ông N) sử dụng từ năm 1998 đến năm 2004 ông K không sử dụng nữa, giao lại cho gia đình ông N sử dụng liên tục, trồng ngô, lạc và đã đào hào bên hướng Tây Nam làm ranh giới phân định giữa đất của gia đình ông N và đất của gia đình ông Phùng Chẳn C và để ngăn gia súc không vào phà hoại hoa màu. Đến cuối năm 2021 ông P là người cùng thôn đến tranh chấp, cho rằng đất gia đình ông N đang sử dụng là do ông, cha ông P khai phá, ông P đã trồng ngô trên toàn bộ diện tích đất, nên xảy ra tranh chấp giữa hai hộ gia đình, ông N đã đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, thị xã S giải quyết; UBND xã T hòa giải hai bên không thỏa thuận được, ông N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết. Trước khi khởi kiện do diện tích đất chưa được đo đạc cụ thể, ông N ước khoảng 01 ha, qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2023 thì diện tích đất tranh chấp là 2 423,5 m^2. Tại phiên nguyên đơn

yêu cầu buộc bị đơn ông P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn thửa đất đang tranh chấp tại Thôn B có diện tích là 2423,5 m^2 có tứ cận; Phía Tây Bắc: Giáp đất của bà Chảo Cơ M (nay ông P đang quản lý, sử dụng); Phía Đông Bắc: Giáp thác đá; Phía Đông Nam: Giáp đất của gia đình ông V; Phía Tây Nam: Giáp đất ông C; Như trong sơ đồ đo đạc, xem xét thẩm định ngày 09/5/2023 và chấm dứt hành vi tranh chấp đất.

Bị đơn ông Phùng Xuân P trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình ông N có nguồn gốc do ông nội là Phùng Kiềm T khai phá, sau đó để lại cho bố, mẹ ông là ông Phùng Chằng C và bà Chảo Cơ M sử dụng, ông C và bà M đã trồng ngô và một số cây ăn quả, đến nay vẫn còn 01 cây đào và 01 cây nhãn, năm 1988 ông C chết, khoảng năm 2000 bà M đến huyện N, tỉnh Lai Châu sinh sống cùng con, để lại cho vợ chồng ông P sử dụng, canh tác trồng cây ngô, lạc đến khoảng năm 2017 do đất bạc màu ông P để đất tái tạo một thời gian, thì gia đình ông N tự ý canh tác sử dụng khoảng 03 năm, cuối năm 2021 ông P đòi lại và tiếp tục sử dụng, nên xảy ra tranh chấp. Do diện tích đất rộng nên ông P có cho 02 gia đình cháu họ là Phùng Trần S và Phùng Trần S cùng sử dụng, canh tác để trồng ngô, khi thu hoạch chia sản phẩm và hiện nay ngô đã thu hoạch xong, đang để đất trống. Đến nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn thửa đất tại Thôn B nêu trên, có diện tích theo thẩm định tại là 2423,5 m^2 bị đơn không nhất trí. Bởi lẽ diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ là 874,3m^2 không phải 2423,5m^2 nguồn gốc đất do gia đình bị đơn khai phá sử dụng từ nhiều đời, đến nay vẫn còn cây đào, cây nhãn trên đất. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Trần S, chị Lý Mùi T, anh Phùng Trần S, bà Phùng Mùi P tham gia tố tụng với bên bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp đúng như ông P trình bày, đất là do bố mẹ ông P khai phá và sử dụng đã lâu, hiện nay 03 gia đình đang cùng nhau sử dụng canh tác chung từ năm 2021 đến nay (việc xác định QSDĐ do ông P quyết định các ông chỉ là người mượn đất làm cùng). Ngoài ra anh Sìn còn trình bày, thửa đất tranh chấp từ trước đến nay có nhiều người sử dụng cụ thể gia đình anh sử dụng trồng ngô từ 2003 đến năm 2006; anh Sênh trình bày gia đình anh sử dụng thửa đất đang tranh chấp từ năm 2002 đến năm 2005 sau để đất nghỉ, còn gia đình ông N chỉ sử dụng được khoảng 02 đến 03 năm từ 2019 đến 2021.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 100, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 164, Điều 166, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 235, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Trần N.

Xác nhận diện tích đất 2423,5m^2 theo kết quả đo đạc ngày 09/5/2023, địa chỉ thửa đất tại Thôn B, xã T, thị xã Sa Pả, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Phùng Trần N và bà Phùng Mùi P.

Buộc bị đơn ông P và những người có quyền lợi liên quan anh Phùng Trần S, chị Lý Mùi T, anh Phùng Trần S, bà Phùng Mùi P phải chấm dứt tranh chấp, trả lại cho nguyên đơn ông N Thửa đất đang tranh chấp nêu trên.

Hộ gia đình ông N và bà Phin có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên các tứ cận, tọa độ của thửa đất xác nhận thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn (có bảng kê tọa độ, sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án), tuyên án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/9/2023, Bị đơn ông Phùng Xuân P kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của TAND thị xã S, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người kháng cáo giao nộp bổ sung một đơn yêu cầu cho rằng 02 người làm chứng của nguyên đơn không khách quan và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quyết định của Tòa án sơ thẩm. Tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn giao nộp: 01 giấy ủy quyền, 01 giấy tặng cho, quản lý, sử dụng tài sản của ông Phùng Trần N và 01 trích lục khai tử do ông N đã chết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, đơn kháng cáo là trong thời hạn nên được chấp nhận xem xét; Những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Phùng Xuân P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phùng Xuân P có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Người kháng cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đều có mặt. Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn là bà Phùng Mùi P vợ ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên tại phiên tòa đã có mặt người đại diện. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xử vụ án theo quy định.

[3]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Phùng Trần N khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại quyền sử dụng 2423,5m^2 đất và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất tại Thôn B, xã T, thị xã S. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai và khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" để thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[4.1]. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông bà khai phá nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh về việc khai phá diện tích đất này cụ thể từ năm nào; Tài liệu và lời trình bày về nguồn gốc đất là không thống nhất (có nhiều mâu thuẫn) cụ thể; Quá trình giải quyết bị đơn khai đất do bố mẹ là (ông Phùng Chằng C và bà Chảo Cờ M) khai phá nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông trình bày đất do ông nội là Phùng Kiềm T khai phá.

Tại cấp sơ thẩm Tòa án đã lấy lời khai của người làm chứng theo đề nghị của các đương sự để xác định về nguồn gốc đất. Những người làm chứng về phía bị đơn gồm: ông Phùng Xuân S - Sinh 1978, ông Phùng Trần S - Sinh 1980 đều xác định không biết rõ về nguồn gốc đất. Người làm chứng anh Phùng Trần S - Sinh 1983 chỉ nghe mọi người nói đất do bố mẹ ông P khai phá và sử dụng từ lâu; ông Phùng Trần C - Sinh 1962, ông Phùng Xuân C - Sinh 1969 trình bày có đất gần khu đất tranh chấp nên biết đất tranh chấp là của ông C (bố ông P) khai hoang. Những người làm chứng về phía nguyên đơn là ông Phùng Trần K, ông Phùng Xuân P - Sinh 1950, ông Phùng Xuân K - Sinh 1950 đều xác nhận đất tranh chấp là do ông Phùng Trằng K khai phá sử dụng để lại cho ông C, ông C giao cho ông ông K, sau để cho ông N (là con, cháu) sử dụng ổn đình từ 2004 đến năm 2021 thì tranh chấp.

Trong Đơn đề ngày 31/8/2023 bị đơn ông P cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm do mẹ ông ở xa nên không kịp dự phiên tòa để làm chứng cho ông. Tuy nhiên,

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ủy thác cho TAND huyện N, tỉnh Điện Biên để lấy lời khai của bà Chảo San P (mẹ đẻ của ông P). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023 bà Phin trình bày diện tích đất tranh chấp là do bà khai hoang và sử dụng, đến năm 1996 thì bà chuyển đến Điện Biên sinh sống để cho con trai là ông P sử dụng (vị trí cụ thể không xác định được..). Như vậy lời khai của bị đơn và những người làm chứng thấy rằng diện tích đất tranh chấp cũng chỉ là quan điểm cá nhân biết khu đất này và phần nghe người khác nói lại nên biết về đất tranh chấp, không biết cụ thể về nguồn gốc.

[2.2] Xét về quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn ông N trình bày gia đình sử dụng đất liên tục từ năm 2004 đến năm 2021, trong quá trình sử dụng đất ông có đào hào ngăn gia súc và làm 01 chòi lán để nuôi gà và để quản lý sử dụng đất. Đến năm 2021 khi để phơi đất thì ông P và gia đình ông P tự ý đến phá chòi lán nuôi gà của gia đình ông N và trồng ngô vào đất.

Bị đơn ông P trình bày gia đình ông sử dụng đất liên tục từ khi bố mẹ khai phá, trên đất tranh chấp này vẫn còn 01 cây đào và 01 cây nhãn do bà Chảo Cơ M trồng từ lâu, bà M cũng khẳng định bà sử dụng đất trồng đào, dứa, chuối trên diện tích đất bà khai phá đến năm 1996 bà đi Lai Châu để lại ông P sử dụng. đến khoảng năm 2017 thì gia đình ông bỏ hoang đất. Sau đó đến khoảng năm 2019 - 2021 gia đình ông N tự ý sử dụng khoảng 200m^2 đất hoang nên đến 2021 ông P đòi lại đất thì xảy ra tranh chấp đến nay.

Tuy nhiên, *(cả hai bên thừa nhận đến thời điểm tranh chấp đất chưa được kê khai quy chủ cho ai;(nguyên đơn cho rằng đất đã được giao trong diện tích 162.500m^2 vào năm 2005 sau đó bị thu hồi do chưa đo cụ thể để chuẩn hóa); Sau khi xảy ra tranh chấp 2021 mới biết đất này sau đã bị quy chủ cấp cho hộ ông Séng, bà Náy vào cùng thời điểm năm 2005; nhưng đến nay cũng đã bị thu hồi theo quyết định số 144/QĐ.UB ngày 05/11/2021 do ông Séng, bà Náy không phải là người sử dụng đất*). Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào (nguồn gốc SDĐ) lời khai của người làm chứng và văn bản cung cấp thông tin của UBND xã T và ý kiến của UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai (bút lục 51 và 93) là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương để xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, xác định loại đất để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 100 và 101, 103 Luật đất đai và quy định Nghị định 43/2014 của Chính phủ làm căn cứ là phù hợp.

Xét ý kiến đề nghị này để xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng các bên: Đối với lời khai của những người làm chứng do bị đơn đề nghị lấy lời khai, chỉ xác nhận có thấy gia đình bị đơn sử dụng đất nhưng không xác định thời gian cụ thể, có liên tục hay không. Trong khi đó, quá trình giải quyết tranh chấp bản thân bị đơn ông P cũng trình bày từ khoảng năm 2004 gia đình đến canh tác được khoảng 3 - 4 năm sau đó bỏ hoang thì hộ ông N canh tác đến năm 2021 (khi ông để đất nghỉ). Ngoài ra, bị đơn cho rằng gia đình sử dụng có trồng cây ăn quả trên đất và hiện nay vẫn còn 01 cây đào và 01 cây nhãn đã to. Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2023 của TAND thị xã S xác định tài sản trên diện tích đất tranh chấp là các cây ngô do bị đơn mới trồng được 02 tháng;

đối với cây đào và 01 cây nhãn cũng qua xem xét thẩm định tại chỗ trên diện tích 874,3m^2 đất của bị đơn đang quản lý, sử dụng (như bị đơn trình bày) và cả diện tích đất 2423,5m^2 do nguyên đơn trình bày đang sử dụng bị tranh chấp đều không có cây đào, cây nhãn nào nằm trên 2423,5m^2 mà các cây này hiện vẫn còn, nhưng nằm trên ranh giới tiếp giáp giữa diện tích 2423,5m^2 đất liền kề với 874,3m^2 đất của bà M nay (ông P đang quản lý sử dụng).

Tại Biên bản xác minh ngày 09/5/2023 của TAND thị xã S tại UBND xã T có nội dung xã cho biết: *"Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp giữa ông Phùng Trần N và ông Phùng Xuân P tại Thôn B, xã T, thị xã S là do ông Phùng Xuân C và bà Phàn Mùi Phẩy (bố, mẹ đẻ của ông N) khai hoang sử dụng từ lâu, sau đó đất bạc màu gia đình bà Phàn Mùi Phẩy để đất nghỉ mấy năm thì gia đình ông Phùng Xuân P đến canh tác và đã trồng cây ngô được khoảng 02 năm thì gia đình bà Phẩy đã đòi lại và tiếp tục canh tác. Bà Phẩy và con trai là Phùng Trần N đã sử dụng liên tục để trồng ngô và trồng lạc từ khi đòi lại.* Mặt khác hộ ông N đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số AC88493 ngày 14/7/2005 nằm trong diện tích 162.500m2 đất rừng sản xuất, nhưng do chưa chuẩn hóa nên bị thu hồi, nên UBND xã giao đất này cho hộ ông N sử dụng (còn mốc thời gian cụ thể xã không nắm rõ - bút luc; 51). Đến năm 2021 thì ông P cho rằng nguồn gốc đất do mẹ ông P là bà Chảo Cờ Mẩy khai hoang trước đây, nên đã tự đến nhổ ngô, phá 01 chòi lán trông nương rẫy của gia đình ông N và xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình. Như vậy, nội dung cung cấp thông tin của UBND xã T và UBND thị xã S là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Phùng Trần N về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là ổn định từ khi ông C đòi lại để cho ông Kiên và ông N sử dụng đất liên tục cho đến 2021 thì ông P đến phá tài sản tự chiếm giữ và tranh chấp.

[2.3]. Quá trình thụ lý và tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Phùng Xuân P cung cấp bổ sung bản khai và cho rằng người làm chứng là ông P và ông K không khách quan "*bị thuê*" nhưng không cung cấp đưa ra được căn cứ chứng cứ nào chứng minh người làm chứng là hai ông này bị mua chuộc hay ép buộc để làm rõ nội dung kháng cáo là có căn cứ. Phiên tòa ngày 04/01/2024 ông báo vắng mặt (xin hoãn để thu thập chứng cứ bổ sung nhưng không có tài liệu nào khác để giao nộp tại phiên tòa); Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, kháng cáo của ông P là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng ổn định đối với diện tích đất tranh chấp. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng và văn bản cung cấp thông tin của UBND xã T và UBND thị xã S, sơ đồ thẩm định, thấy rằng cần căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đết để xác định người sử dụng đất theo quy định tại 100 Luật Đất đai và Nghị định 43/2014/NĐ/CP để chấp nhận là đúng quy định. Từ các tài liệu có trong hồ sơ và qua đối chất tại phiên tòa thấy rõ nguồn gốc đất tranh chấp là do người nhà của ông Phùng Trần N khai hoang, sử dụng, đất có đường hào và cả chòi, lán của hộ ông N trên đất, có thời gian dài sử dụng ổn định đất (từ 2004 và đã được UBND xã T giao quản lý ổn định từ 2005); Bị đơn và 02

hộ (ông Sín, ông Sênh được ông P cho sử dụng nhờ trên đất) không cung cấp được chứng cứ phù hợp để chứng minh cho việc sử dụng đất là ổn định và thừa nhận trong khoảng năm 1988 (khi ông C chết) có canh tác được 03-04 năm thì bỏ hoang; Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, xác định diện tích 2423,5m^2 đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng liên tục của hộ ông N như kết quả thẩm định ngày 09/5/2023 là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phùng Xuân P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm do các bên không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phùng Xuân P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phùng Trần N.

Xác nhận diện tích đất 2423,5m^2 theo kết quả đo đạc ngày 09/5/2023 có sơ đồ kèm theo, địa chỉ thửa đất tại Thôn B, xã T, thị xã Sa Pả, tỉnh Lào Cai thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ gia đình ông Phùng Trần N và bà Phùng Mùi P (do ông Phùng Ông C là người được ủy quyền quản lý và kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn).

Buộc bị đơn ông Phùng Xuân P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Phùng Trần S, chị Lý Mùi T, anh Phùng Trần S, bà Phùng Mùi P) cùng phải liên đới, di dời toàn bộ hoa màu trên đất để trả lại cho nguyên đơn ông Phùng Trần N (do anh C là đại diện) sử dụng thửa đất tranh chấp 2423,5m^2 (như biên bản và sơ đồ thẩm định của Tòa án ngày 09/5/ 2023 kèm theo bản án để thi hành); Buộc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bị đơn, liên đới trả lại đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông N, bà Phin (anh Phùng Ông C) theo quy định của pháp luật.

Hộ gia đình ông N và bà Phin, anh Phùng Ông C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xem xét cấp GCNQSDĐ, theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phùng Xuân P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận ông Phùng Xuân P đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu AC-21P, số 0005264 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai. Đối trừ đi, ông Phùng Xuân P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (TH)
- VKSND tỉnh Lào Cai
- Tòa án NDTX Sa Pa 02
- THADSTX Sa Pa
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Văn Đài